BAN QUẢN LÝ CÁC KCX VÀ CN TP. HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# BẢNG ĐIỂM

## Lớp : Tiếng Anh 2 - K13

Môn thi: **Tiếng Việt thực hành** Lần thi: 2 Giám thị 1: P. Thuận Ký tên:

Học kỳ: 1 Năm học: 2011 - 2012 Ngày thi: 02/03/12 Giám thị 2: Ký tên:

Cán bộ giảng dạy: Phòng thi: A1.4 Giám thị 3: Ký tên:

Tổng số bài: 06 Số tờ: 06 Giám thị 4: Ký tên:

| STT | MÃ SỐ | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | KÝ TÊN | Điểm học phần | | Kết quả | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Kiểm tra TS: | Thi TS: | | |
| 1 | 1110110035 | Huỳnh Minh | Nhơn | 19/01/1994 | nhơn | | 5 | 5 | Năm |
| 2 | 1110110036 | Huỳnh Thị | Nhung | 20/05/1993 | | | | | |
| 3 | 1110110039 | Nguyễn Thị Ngọc | Phương | 12/09/1992 | Phương | | 6 | 6 | Sáu |
| 4 | 1110110048 | Nguyễn Thanh | Thùy | 07/01/1993 | Thuỳ | | 5 | 5 | Năm |
| 5 | 1110110052 | Lê Thủy | Tiên | 11/01/1993 | | | | | |
| 6 | 1110110054 | Võ Văn | Toàn | 30/10/1993 | Toàn | | 6 | 6 | Sáu |
| 7 | 1110110056 | Lê Thị Thùy | Trang | 05/10/1993 | | | | | |
| 8 | 1110110061 | Vũ Hà | Ty | 10/05/1993 | Ty | | 6 | 6 | Sáu |
| 9 | 1110110066 | Nguyễn Thị Thanh | Xuân | 11/11/1993 | Xuân | | 5 | 5 | Năm |

*Ngày 10 tháng 5 năm 2012*